

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 22 /2017/ HNGĐ-ST

Ngày: 14 /7/2017

V/v: Xin ly hôn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao;

2. Bà Nguyễn Thùy Hương;

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2017/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2017; về việc xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Viết X**, sinh năm: 1978, nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1983, nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn V** và bà **Lưu Thị T**, nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, ông V có mặt; bà T ủy quyền cho ông V tham gia tố tụng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 04/4/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Viết X trình bày: Anh X và chị H kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07 tháng 5 năm 2005; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh đẻ con cái cho đến

tháng 01/2016, chị H đi vào con đường nghiện ngập số đề. Lần thứ nhất, vì con cái, vì hạnh phúc gia đình nên anh X bỏ qua tất cả, bản thân anh X, anh em, gia đình anh X can ngăn nhiều lần mà chị H không từ bỏ con đường nghiện ngập số đề. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn nữa, thiếu tin tưởng và quan tâm đến nhau, hạnh phúc tan vỡ, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh X làm đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ, chồng anh, chị có hai con chung là Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 12/12/2007 và Nguyễn Thị Hoài M, sinh ngày 05/12/2012. Sau khi ly hôn anh X xin nuôi cháu N, giao cháu M cho chị H nuôi, không yêu cầu chị H đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ, chồng anh X và chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng ngôi nhà và thửa đất mà vợ chồng anh, chị đang sử dụng là nhà đất bố, mẹ anh X là ông V và bà T xây dựng nên trên đất của ông V, bà T cho vợ chồng anh X, chị H mượn ở tạm, chứ không phải cho anh X và chị H, không phải anh, chị tự xây dựng nên, ngôi nhà cấp bốn và đất không phải là tài sản của anh, chị; nay anh chị ly hôn anh X nhất trí giao trả lại cho bố mẹ anh vì đây không phải là tài sản chung của vợ chồng anh.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H công nhận lời khai của anh X về thời gian, nơi Đăng ký kết hôn, con chung là đúng. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H bị rũ rề đánh số đề, thiệt hại kinh tế gia đình. Nay anh X xin ly hôn chị H không nhất trí, chị xin được đoàn tụ, còn lỗi lầm của chị, chị hứa sẽ sửa chữa. Nếu ly hôn chị xin nuôi cả hai con và yêu cầu anh X đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng cả hai con là 2.000.000đ. Tại biên bản lấy lời khai và hòa giải lần 1 ngày 24/4/2017 chị H thừa nhận vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nhưng tại biên bản hòa giải lần 2 ngày 15/5/2017 chị H khai vợ chồng anh, chị có 01 ngôi nhà cấp 4 được xây trên đất của bố, mẹ anh X (Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), tại phiên hòa giải lần 3 ngày 19/6/2017 và tại phiên tòa chị H thừa nhận ngôi nhà cấp bốn và đất mà anh, chị đang sử dụng là bố, mẹ anh X cho mượn ở chứ anh, chị không có giấy tờ, văn bản thể hiện ông, bà cho vợ chồng anh, chị; ngôi nhà không phải là tài sản riêng của anh, chị xây dựng nên. Về mặt tình cảm chị H xin ông V, bà T và xin Tòa án xem xét giải quyết cho chị H được sở hữu ngôi nhà để có điều kiện sinh sống và nuôi các con.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V trình bày: Nguồn gốc của vườn đất và nhà ở mà hiện nay anh X và chị H đang sử dụng là đất do ông san lấp 3 hố bom. Hiện nay thửa đất đó chưa làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông V trực tiếp nộp hương ước hàng năm lên thôn, xã. Diện tích khoảng 500m<sup>2</sup>. Trên thửa đất đó ông làm ngôi nhà, diện tích khoảng 25m<sup>2</sup>, xây năm 2005 nhà và đất trước đây và hiện tại vợ chồng X, H đang sử dụng là của vợ, chồng ông V; ông V, bà T cho X, H mượn ở tạm; nay vợ, chồng X, H ly hôn yêu cầu vợ chồng X

và H giao trả lại nhà và đất cho vợ, chồng ông. Ranh giới thửa đất và ngôi nhà trên đất như sau:

Phía Đông giáp đất anh Nguyễn Văn N;

Phía Tây giáp đất anh L;

Phía Nam giáp đất anh Lê Hữu T;

Phía Bắc giáp đường đi của thôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Vấn đề tài sản chung, trong biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải lần 1, ngày 24/4/2017 chị H khai vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong phiên hòa giải lần 2, ngày 15/5/2017 chị H nại ra rằng vợ chồng anh chị xây một ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất của bố, mẹ chồng là ông V và bà T; nhưng tại phiên hòa giải lần 3, ngày 19/6/2017 và tại phiên tòa chị H thừa nhận nguồn gốc ngôi nhà cấp bốn và đất mà vợ chồng anh, chị đang sử dụng là của bố, mẹ anh X cho mượn sử dụng chứ không có văn bản nào thể hiện bố, mẹ anh X cho vợ chồng anh, chị; ngôi nhà không phải do anh, chị xây dựng nên; Tòa án đã hai lần (Ngày 26/5/2017 và ngày 13/6/2017) có văn bản yêu cầu chị H cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhà là tài sản chung của anh, chị, nhưng chị H không cung cấp được để chứng minh ngôi nhà cấp bốn là tài sản của anh X, chị H; ông V bố anh X khẳng định nhà đất đó là của vợ chồng ông cho vợ chồng X, H mượn, nay họ ly hôn ông, bà muốn lấy lại để sử dụng, đó không phải là tài sản chung của anh X và chị H. Do vậy, không có căn cứ xem đây là tài sản chung của anh X, chị H; các đương sự đã nghe Tòa án giải thích và không ai yêu cầu định giá tài sản, Tòa án không có căn cứ xác định ngôi nhà cấp bốn và thửa đất anh X và chị H đang sử dụng là tài sản chung của anh X và chị H để tiến hành định giá ngôi nhà và đất anh X, chị H đang sử dụng là đúng quy định của pháp luật, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của Pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh X kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07 tháng 5 năm 2005; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng cuối năm 2016 đến nay phát sinh nhiều mâu thuẫn; mặc dù chị H không nhất trí ly hôn, muốn đoàn tụ, nhưng xét thấy nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng; nay anh, chị đã ly thân; Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1

Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho anh X được ly hôn với chị H là có căn cứ.

Về con chung: Chị H, anh X có hai con chung, nên giao cho mỗi người nuôi một con, không ai phải đóng góp phí tổn nuôi con là có căn cứ, hợp lý, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên.

Về tài sản chung: Như đã nêu trên, trong biên bản lấy lời khai chị H thừa nhận vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nhưng sau đó chị H nại ra nhà là của vợ chồng anh chị xây nên; tại biên bản hòa giải lần thứ ba có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông V và tại phiên tòa chị H thừa nhận nhà và đất là của ông V, bà T; nếu ly hôn, về mặt tình cảm chị muốn xin ông V, bà T cho chị H được sở hữu ngôi nhà để sinh sống và nuôi các con. Việc chị H nại ra tài sản chung có ngôi nhà cấp bốn nhưng không chứng minh được đó là tài sản chung của anh X, chị H, lời khai của chị H có mâu thuẫn; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H là được sở hữu ngôi nhà; việc cho hay không cho ngôi nhà là quyền định đoạt của ông V và bà T. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông V khai ngôi nhà và đất là của vợ, chồng ông; ông V, bà T không chấp nhận yêu cầu của chị H là sau ly hôn chị H được sở hữu ngôi nhà cấp bốn mà anh, chị đang sử dụng; ông V yêu cầu anh X và chị H giao trả lại cho vợ, chồng ông sau khi anh X, chị H ly hôn là có căn cứ (Anh X và Chị H đều thừa nhận đất và ngôi nhà là của vợ, chồng ông V, bà T, sau khi ly hôn anh X chấp nhận trả lại nhà và đất đang sử dụng cho bố, mẹ là ông và bà T). Có căn cứ kết luận: Anh X và chị H thừa nhận không có tài sản chung, nên không xét; riêng ngôi nhà cấp bốn và thửa đất anh X, chị H đang sử dụng không phải là tài sản của anh X và chị H, mà là tài sản của ông V, bà T, nên công nhận ông V, bà T là chủ sở hữu ngôi nhà cấp bốn và thửa đất nêu trên; sau ly hôn anh X và chị H có trách nhiệm giao trả lại ngôi nhà cấp bốn và thửa đất mà anh X, chị H đang sử dụng cho ông V, bà T là đúng quy định của Pháp luật.

- Về án phí: Anh X phải chịu án phí ly hôn, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề sung công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử: Anh **Nguyễn Viết X** ly hôn chị **Nguyễn Thị H**.

2. Về con chung: Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Giao con Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 12/12/2007 cho anh Nguyễn Viết X trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Thị Hoài M, sinh ngày 05/02/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh X và chị H không phải đóng góp phí tổn nuôi con; cấm không bên nào được ngăn cản việc thăm và chăm sóc con chung; sau này một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của Pháp luật.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Viết X và chị Nguyễn Thị H thừa nhận không có tài sản chung, nên không xét. Riêng ngôi nhà cấp bốn và thửa đất mà anh Nguyễn Viết X và chị Nguyễn Thị H đang sử dụng, sau khi ly hôn anh Nguyễn Viết X và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm giao trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn V và bà Lưu Thị T. Ranh giới cụ thể như sau:

Phía Đông giáp đất anh Nguyễn Văn N;

Phía Tây giáp đất anh L;

Phía Nam giáp đất anh Lê Hữu T;

Phía Bắc giáp đường đi của thôn.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Viết X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh X đã nộp theo biên lai số 0001983 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình, như vậy anh X đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/7/2017).

**Nơi nhận:**

- Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
- Viện Kiểm sát huyện B (2 bản);
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B;
- Chị Nguyễn Thị H;
- Anh Nguyễn Viết X;
- Ông Nguyễn Văn V, bà T;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu V.P Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Nguyễn Thanh Vân**

